

TRITAN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35\$00 — 6 tháng 18\$00 — 3 tháng 9\$00

MỤC LỤC

- * Cảm tưởng chúng tôi...
- * Nghệ thuật phục hưng
- * Việt nam văn học sử (VIII)
- * Đại nam đặt sự (LV)
- * Những vết tích nô-lệ cần phải tẩy trừ
- * Nguyễn-tri-Phương (1800-1873) (hết)
- * Những công nghệ triều Lê (CIV)
- * Dân bách việt
- * An-tư (tiểu-thuyết, XXIV)

Nguyễn-trường-Phượng

Họa-sĩ Nguyễn-văn-Ty

Nguyễn văn Tổ

Ung-Hòa

Nguyễn-Phường

Tiến-Đám

Nguyễn-văn-Tổ

Nguyễn-xuân-Uần

Nguyễn-huy-Tướng

0\$70



CẢM TƯỞNG CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI NHÒI TUYÊN BỐ CỦA ÔNG TỔNG-TRƯỞNG NỘI-CÁC

Nơi đây, trên mặt các báo, thấy đáng nhời tuyên bố của ông Tổng-trưởng Nội-các Trần-Trọng-Kim là một nhà mô-pram đạo đức, lại uyên luận nân nọc. Trái nên-sinh đã tuyên ngôn sau đây:

1) Làm cho đạt cái hi-vọng của quốc dân Việt-nam mong cho nước Việt-nam thành một quốc gia độc-lập; khôi phục cái trí-thái sẵn có của dân tộc Việt-nam mau độ chờ mỗi ngày được mạnh mẽ.

2) Giải quyết vấn đề lương thực. Có giải quyết xong được vấn đề lương-thực cơ yếu này thì mới giải-quyết được vấn đề chính-trị và văn-hóa

3) Kiến-thiết cái tâm lý của dân-tộc Việt-nam, xét ra xưa kia người Việt-nam bị người khác giống ngược đãi, đến nỗi linh-thần hư-hỏng. Ngày nay phải nỗ lực nâng cao cái tinh-thần không chia khuất-phục. Việc đồ phật đơ ở sự cai tạo cái phương châm giáo-dục; chấn-hưng công-cuộc vận động của Thanh-niên và dĩ-cách đàn áp mọi tổ-chức không chính đáng khiến cho cái ý thức về quốc-gia của nhân dân được kiên cố.

— (Theo Kiều-quang báo — Bản dịch của Tin - mới

Thật là những nhời vàng đá, một cương-triễn hành-động-rất thích hợp trong lúc này là lúc kiến-thiết một quốc gia sau cuộc gành phướng

Sau ngót một thế-kỷ đồ hồ người Việt ta bị ngoại quốc dùng chính sách hà-khắt đàn áp lại đem chủ nghĩa cá-nhân quấy rối nên người nước, một số đông, thana von bản, đời sống nhàu nhay không lý-tưởng; hơn nữa, những điều cốt yếu của đạo làm người như: Trung, hiếu, lễ, nghĩa, liêm sỉ, đã đã rạo-nhằng cả; một khi có ai nhắc đến điều bị gọi là cổ-hủ là không hợp thời.

Ở cuộc vận thành, đua nhau xa-hoa, lãng-phí, còn nợ thôn - ở, bóc cường-bạo tha nô-lãog bứ: đàn em. Tuy người Pháp đã nêu lên vấn đề cả lương, nhưng sự thực chỉ là chính sách giả dối, ở bên ngoài, rồi dựa vào đây, người có trách-nhiệm địa-phương đã lợi dụng mà bóc lột cho thỏa tâm lòng tham nhũng.

Cải-trí dân mà dân cho là bất tiện. Cho gì quân sự bằng chính-sách « kinh-lố » áp dụng mấy năm gần đây: đồng bào phải đã khổn khổ về nạn thu thuế, nộp thuế: bất-bao kẻ lòn, dụng mưu, bán đồng chúng ở ở nên giàu có; đến nay dân tôi, dân chết một phần là tội ác của họ

Thật rồi một nước làm ruộng như xứ ta; ruộng đất ngang dọc như bàn cờ, thiếu gì nước lợi mà dân bị-đòi kén, thật là sự đau thương cho nòi giống!

Nội các đã nhìn rõ tình cảnh này, nên trong bản tuyên ngôn có nói về « giải-quyết vấn đề lương-thực ».

Đề đi đến sự giải-quyết, chúng tôi mong Nội-các thẳng tay bãi-trừ những tệ tục, những sự hà lam, đồng thời lại phải tìm hết phương pháp tiếp tế về-việc lợi sinh, tu-mở cửa-văn-thinh-thế này được.

Về việc giáo dục, chúng tôi rất đồng-ý là phải nâng cao tinh-thần của quốc-dân, cả tinh-thần ấy đến nay quả đã bạc-nhuộm lắm, kẻ nào sáng không hồn, cây không nhựa, mất hết cả tính cách của giống nòi.

Chúng tôi thành thực hoan nghênh bản tuyên-ngôn và mong mau được thấy thi hành triệt để.

Chúng tôi lại còn mong quốc dân cố gắng nỗ lực mà ca-tạo chính thân mình, chính gia đình mình gắng sức mà Trần-trần sinh đã nhắc nhở. Bản đồng ý ở Tòa Khâm và Nay như cơ-hội rất tốt, chúng ta được hành động tự do, dịp tốt đấy chúng ta không nên bỏ, bỏ mất tức là chúng ta có tội với Tổ quốc trước lịch sử — (Việt-nam tân báo ngày 18.4.45)

Trước lịch sử, đối với nòi sông, Tổ quốc chúng ta nghĩ sao?

NGUYỄN TƯỜNG PHƯỢNG

Phải cách mệnh nên Văn - hóa Việt - nam

Nghệ-thuật phục-hu'ng

Cái sức mạnh vô hình nặng trĩu đè lên tâm hồn, khắc khoải bọn nghệ sĩ chúng, bao lâu đã bị lệ đã theo cuộc đảo chính vừa qua. Chúng ta đã bắt đầu sống lại. Một nền tảng chính trị mới đang gầy công xây dựng lại xã - hội. Đồng - thời các ngành văn hóa cũng sửa soạn để tiến theo nhịp điệu của thời đại.

Từ trước ta đã sống ra ngoài guồng máy xã hội nó lệ để tự lập trong lòng tin chân thành những ý nguyên thiết tha mà ta tưởng không bao giờ được bày ra ánh sáng. Thờ ơ với thời thế, ta đã bỏ ta cả để lảng hàng nơi đồng nội hay rừng thâm vui vẻ và đầy đủ với ta. Đạo sống của mình. Giống máu ta vẫn ra cuộc đời độc lập giữa thiên nhiên để ăn núp với hồn thân tự do và hoạt động. Ta không chịu để nghệ thuật bị gò ép, ta chán ghét tất cả cái gì bó buộc ta vào một thể độ hẹp hòi, ta đã ưng phần đối những tư tưởng của chủ, đề của với công trình sáng tác trong khuôn khổ nhỏ hẹp. Ta hiểu rằng đến ở những nước độc lập được tự do tư tưởng người ta hẳn phải sợ cái nghệ thuật đi truyền nhà nước, họ sợ cái đi đến chỗ một hạn hây (hãy) lấp lên về quan niệm đó thì ta còn mong kây nở và phát triển sao được!

Và giờ đây, ta không còn ngờ ngác trước con đường sắp đi tới. Đã chỉ biết những sự nghệ thuật, đã cũng không thể để một bọn người khéo lợi dụng kia đưa ta

vào con đường phản bội. Cứu cánh sẽ phải dẫn ta đến mục đích giải thoát hoàn toàn cái ách áp chế lên mọi đồ.

Từ lâu ta đã gấn-gấp gầy được niềm sống trong chặng đường tìm kiếm khổ hạnh, nay giải vị may mắn ta được sức mạnh của tâm hồn - đầy dẫy. Trí óc đoán không ngừng đã làm ta gao ngạo với cái trí giác bản nhiên của ta.

Vẫn biết chúng ta bao giờ cũng đồng lòng tin tưởng rằng Nghệ-thuật là ĐẠO SỐNG cũng là NGUỒN SỐNG - vẫn rất cần để đưa ta đến đạo sống ta làm sao bỏ lại được những mối tương quan của con người với xã hội, với giờ g gống mộ dân tộc, và khi ta biết bao công-nghệ trong lịch sử.

Luồng ác khí đã tan. Phương trời nghệ-thuật bắt đầu sáng rõ. Ta hãy trở lại làm việc với một lòng hăng hái hơn đi, ta hãy thành tâm gầy dựng một thế giới tinh thần sáng tỏ mong góp chút gì tươi đẹp với những ngày vui sắp tới.

Muốn được thỏa - mãn với nguyên-vọng ta cần phải lập một chương - trình phục - hưng nghệ-thuật để bồi đắp nền văn hóa đang đứng ngang hàng với tư-tư ở các loài người. Ta hãy trực tiếp ủng hộ những hành-vi chính đại kiến thiết ngay một cơ quan vững chãi cho nghệ-thuật ngõ hầu mọi thực hiện được cái tôn hoa của một dân tộc đầy tương lai và tự-tự.

Ta đã có một căn bản chắc chắn trải bao nhiêu thế kỷ. Hãy

thăm nhuận lại cõi rõ đó, để đi tới một công trình sáng tác đầy đủ hơn. Mạch máu của ta hãy còn lưu thông trong những công cuộc cải tạo hay sáng tác vĩ đại của ông cha trước trước linh-linh các bậc tiền bối hãy còn ẩn náu trong một nền kiến trúc cũ, trên một dãy trường thành, một mái nhà hay một pho tượng cổ. Ngày nay qua những nguồn cảm hứng đó, ta sẽ tái tạo nên nững thể và chất mạnh - mẽ vững bền hơn, sẽ cố gắng bù đắp lại cái tình thần sa-sút của thế hệ vừa qua. Dù chiến tranh cản trở sức mạnh trực-hành, chúng ta cũng đừng rời lòng về sức mạnh từ-nghĩa đang đương đầu g p ất triển. Luôn đạo thể, tình suy-tuần luôn giữ cho ta bền chí và vững lòng tin tưởng lại. Từ lúc cái tâm tâm cái đến những ngày tươi đẹp của thành công cũng không xa lắm.

Nhiều cuộc họp nghệ sĩ vừa qua đã từng tổ - ty - vọng đó. Chương trình hành động đã được đem ra thảo luận giữa những quan niệm khác nhau - quan niệm uy khác nhưng vẫn đề cao vẫn là phương sự và kiên quyết quốc-ga bằng sự đoàn kết và tận tâm. Nghệ-sĩ đã thiết tha muốn tới một trình độ văn hóa trong đó các ngành văn-chương, mỹ-thuật được tự do hướng dẫn tư-tưởng theo những chỉ hướng riêng biệt và khoáng đạt.

Với tình trạng đó, vấn đề kiến thiết quốc - gia và giáo dục sẽ được bàn tới và từ giải quyết được cần dẫn. Lâu dài Văn Hóa được phục-hưng và sẽ diễn lệ vô cùng.

Hoa - NGUYỄN VĂN IV

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

368

Ứng học NGUYỄN-VAN-TỐ

Trang 70 trong quyển *Việt nam văn học sử yếu*, ông Dương Quảng Hàm nói về việc học chữ nho trong các đời Ngô Đình, Lê, Lý. Ông cho là vua các đời ấy « chưa có thì giờ » để học chữ nho : « có lẽ không đúng, vì đời Đinh (971) sáng trọng Thích-giáo cho dân đọc và g ai phần triều-định. (Khâm định Việt sử, q. 1, tờ 4 b) đời Lê (987) sai pháp-sư làm Thuận đôn sử nhà Tống và sai Khuông-việt đại sư Ngô chân-Lưu làm cha chú để tiến sử Tàu (Đại Việt sử ký toàn thư, q. 1, tờ 18 a b); đời Lý thì Thái tổ (1010-1020) là con nuôi Lý Khánh Văn sư chùa Cổ - pháp, đến học Vạn Hạnh là sư chùa Lục-tổ, cho nên việc học phần nhiều ở trong Thích-dạo mà ra. Danh liệt lục của Trần lý - Đắc chép rằng : « Lúc bấy giờ chưa có khoa cử, tuy người học trở thông mẫn, cũng phải do Thích đạo kén chọn cử-tri » (dẫn ở Khâm định Việt sử q. 3, tờ 34 a). Xem như thế, thì việc học về thời bấy giờ ở trong tay Thích - giáo, chứ không phải chưa có thì giờ để học. Chính ông Hàm cũng nói thế. Và lại từ đời Ngô Quyền (939) trở về trước, dân ta cũng đã được học. Như trong đời Sĩ-Nhiếp (207-226) nước ta đã bắt đầu thông Thi Thư, tập lễ nhạc (Đại Việt sử ký, ngoại ký toàn thư, q. 3, tờ 12 a), đến đời Đỗ tuệ-độ làm thứ - sử châu Giao (411-427) có sửa lại nhà học Liệt (Khâm định Việt sử, liên

biên, q. 3, tờ 24 b Đại Việt sử ký tiền biên, ngoại ký, q. 4, tờ 16 b); thế thì không phải là « chưa » học. Nếu chưa học, thì sao năm 187 vua Hán nghe lời xin của Lý Tiên Lý - Cầm, cho một người đồ mậu - tài (tú - tài) của ta làm chức lệnh Hạ - dương, một người đồ hiền-liêm (cử-nhân) của ta làm chức lệnh huyện Lạc-hợp (Khâm định Việt sử, liên biên, q. 2, tờ 26 b 27 a) ?

Lại như trong đời Đường. Đức-tông (780-804), Khương công-Phụ người nước ta, cha là Công-Đĩnh, em là công-Pác đều đồ tiến-sĩ từng làm tài ấy học ở đâu mà đỗ ?

Đây là nói từ đời Ngô trở về trước, còn như chính trong các triều Ngô, Đinh, Lê, Lý, thì sử có chép rằng : « Năm đinh-vị (1007) Lê Long - Đĩnh sai em là Minh-Sưông sang nhà Tống xin « ưu kinh và kinh Đại tạng, vua Tống bằng lòng cho » (Khâm định Việt sử q. 1, tờ 43 a). kinh Đại tạng (Tripitaka) là kinh Phật. Còn kinh là Chu lễ, Nghi lễ Lễ - ký, Tả-truyền Công - dương Cốc-lương, Dịch, Thi, Thư; có người lại xếp Dịch, Thi, Thư, Lễ Xuân thu, thêa kinh, Luận ngữ Mạnh tử Chu lễ tuy hai thuyết khác nhau, nhưng cùng là sách của đạo Khổng. Đại Việt sử ký cải lương (bản sao của trường Bắc-cổ, số A 1146, q. 1, tờ 83 b) có bài khen về việc đem chín kinh ở Tàu về như sau này : Đây là lần

đầu tiên kinh lịch của Tàu vào đất nước ta, trước kia Tích Quang làm thái thú Giao-chi, bắt đầu dựng nhà học hiệu dân Sĩ-Nghiệp nổi làm thái - thú, lại dạy dân Thi Thư, như thế là người nước ta biết học đã lâu ; nhưng mà toàn sách của Khổng Mạnh, thì người nước ta chưa được thấy. Từ khi Minh-Sưông đem về, thì loại sách kinh này, nhà này truyền cho nhà khác, người nọ đọc cho người kia, bấy giờ Khổng-giáo mới phổ cập ở nước Nam ta. Đối với việc ấy Lê Long-Đĩnh thật có công to... »

Cứ xem như thế, thì không phải là « chưa có thì giờ » để học chữ nho. Vậy đến kỳ tái bản, ông Hàm nên bỏ câu ấy đi.

Ở đoạn nói về việc học chữ nho trong triều Lý. Ông Hàm chép rằng : « Năm 1070, vua Lý Thánh-tôn dựng văn-miếu ở Thăng-long (nay là văn-miếu Hà-nội) để thờ đức Khổng-tử và các vị tiên-hiền, tỏ ra rằng nhà vua tôn-sùng Nho-giáo. Ngài lại sai Hoàng-tư dền họa ở đây » (trang 70) Chép thế còn thiếu. Sử Khâm định (q. 3, tờ 30a) nói rằng : « Mùa thu (tháng tám) năm canh - tuất (1070) Lý Thánh-tông bắt đầu lập ra văn-miếu, đắp tượng Chu-công, Khổng-tử và tượng tứ phối (bốn vị phối hưởng là Nhan-tử, Tăng-tử, Tử-Tư-Mạnh-tử), vẽ tượng thất-thập-nhi-hiền (bảy mươi hai người học trò giỏi của đức Khổng) để bốn mùa

thờ cúng. Sai hoàng-thái-tử tới học». Thế là có thờ cả Chu-công là một bậc tiên-thánh sinh ra trước đức Khổng đến gần sáu trăm năm. Lại có đắp tượng và vẽ tượng: Ông Hàm không nói rõ, khiến cho ai xem đến, cũng tưởng rằng thờ bằng bài-vi và chỉ thờ từ đức Khổng trở xuống như bây giờ. Vậy thì đoạn ấy nên chữa lại cho đúng.

Cũng trang ấy (70) ông Hàm nói về đời Trần, có chép: « Năm 1252, Ngải (Trần Thái-tông) cho con thường dân người nào tuân-từ được theo học với con các quan ở Quốc-tử giám ». Câu ấy thừa, các sử chữ nho không thấy chép việc ấy vào năm 1252 và cũng không thấy chép vào đời Trần-Thái-tông.

Về việc lập Quốc-học viện, ông Hàm chép « Năm 1253 ngải (Trần Thái-tông) lập Quốc-học viện để giảng tứ thư ngũ kinh » (trang 70): chép như thế thì thiếu và nhầm nữa. Các sử chữ nho (Khâm-định Việt-sử, q. 6, tờ 36 a. Đại-Việt-sử ký, toàn thư, q. 5, tờ 79 a) đều chép « Tháng sáu năm quý-sử (1253) lập quốc-học-viện khi viện làm xong, vua sai tể tướng Chu công, Khổng-tử và Mạnh-tử (Toán-thư chép chữ Khổng-tử ở trên chữ Chu-công và chép chữ Mạnh-tử làm chữ Á - thánh), vẽ tượng thất-thập nhị biến đề thờ. Tháng chín năm ấy (1253) vua ban chiếu cho những học-giả (Toán-thư chép là nho-sĩ) trong thấn-tạ đến Quốc-tử viện để giảng Ngũ-kinh Tứ-thư ». (Toán-thư chép là Tứ-thư Lục-kinh). Xem như thế, thì có lẽ Quốc-học-viện với Quốc-tử-viện là hai viện khác nhau, không phải là một Quốc-học-viện làm xong, có tể tướng vẽ tượng đề thờ, thì cũng như vẽ và đắp tượng đời Lý. Xuống

chiếu cho học-giả đến Quốc-tử viện giảng sách, cũng như đời Lý kéo vào-thiền có văn-tộc bỏ vào Quốc-tử-giám. Vậy thì Quốc-học-viện đời Trần là văn-miếu đời Lý, Quốc-tử-viện đời Trần là Quốc-tử-giám đời Lý. Lại còn một cơ nữa, là « năm 1243, Trần Thái-tông trình tu Quốc-tử giám ». Khâm-định Việt-sử (q. 6, tờ 25 a), chú thích rằng: « Quốc-tử giám này dựng từ đời Lý nhân-tông »: đến năm 1253 lại chép: « Lập Quốc-học-viện ». Xem thế đủ biết Quốc-tử giám với Quốc-học-viện không phải là một. Vậy thì đoạn ấy cũng nên chữa lại cho đúng.

Đến trang 71, ông Hàm chép: « Năm 1397, về đời vua Trần Thuận-tôn, Hồ Quý-ly thấy việc học trong nước, trừ kinh-đô ra, còn ngoài chưa hề tổ-cứ, bèn hạ lệnh đặt ở các lộ, phủ châu các học quan coi việc dạy-dỗ và cấp ruộng cho các viện ấy ». Đoạn ấy không rõ, nên lược theo bài chép của Trần Thuận-tông như sau này: « Đời xưa ở quốc-đô thì có nhà họ ở chốn hương - toại thì có nhà tư nhà trường, cốt để tỏ giáo-nóa, đôn phong-tục, trẫm rất hâm mộ. Nay cách-thức quốc-học đã đủ, duy các châu, huyện bấy còn thiếu, thì làm thế nào cho rộng cái đạo dạy dân. Vậy trẫm cho các lộ phủ, châu ở Sơn-nam, Kinh-bắc, Hà-dông đều đặt một viện học quán để dạy, cấp cho ruộng có thừ tự hơn tám như phủ, châu lớn thì mười tám mẫu, hạng trung mười hai mẫu, hạng nhỏ mười mẫu, để cung học-phủ Quan, đốc-học ở các lộ, dạy học trò cho thành tài. cuối năm thì tuyển người nhà giỏi, uên công

vào triều-đình, trẫm sẽ thân thi mà bổ dụng » (Khâm-định Việt-sử, q. 11, tờ 30 a).

Cứ như thế, thì việc đặt học quan là do tờ chiếu của vua Trần Thuận-tông, chứ không phải của Hồ Quý-ly. Vả hay rằng lúc ấy (1397) quyền hành trong nước về tay Hồ Quý-ly, nhưng cũng nên chép rõ kẻ trái với lời chép trong sử chữ nho.

Đến đoạn nói về nhà Lê, ông Hàm chép: « Năm 1483, Vua Lê Thánh-tôn mở rộng thêm nhà Thái-học (tức là quốc-tử-giám), làm các phòng cho các sinh-lão ở và kẻ Bí-thư để chứa sách » (trang 71). Sơ-lược quá, nên lược sử chữ nho mà chép như thế này:

« Từ khi nhà Lê lấy lại nước của người Minh (1428) thì quy-mô nhà Thái-học vẫn noi theo của Trần, nên còn nhiều chỗ khuyết. Đến đây (1483) vua (Lê Thánh-tôn) sai sửa chữa lại và làm rộng thêm: phía trước dựng văn miếu, có điện Đại-thần để thờ tiên thánh, hai bên đông, tây-vu để thờ tiên-huần tiên-nho, có điện canh-phục (thay áo) để làm nơi túc-giát, một kho tàng và một chỗ phòng. Phía sau thì làm nhà Minh-tư ở cửa nhà Thái-học và đông, tây giảng-đường để dạy học trò. Lại đặt thêm kho bí-thư để chứa văn thư, hai bên đông, tây có ba dãy nhà để chứa sách ở, mỗi dãy hai mươi nhăm gian, hai bên đều có nhà bia, quy-mô thật là rộng rãi » (Khâm-định Việt-sử, q. 23, tờ 28 b).

(Xem tiếp trang 20)

ĐẠI NAM DẬT SỬ

số 59

Ung-hoà NGUYỄN VĂN-TO

XXXIV — Lý Thái-tông (bài nối)

Vũ-công trong đời Lý Thái-tông có việc đánh Chiêm-thành và dẹp rợ Nhung là việc to, mấy kỳ báo trước đã chép đủ. Nay, chép đến những việc ở trong nước, là việc đi đánh Khai-quốc-vương tôn Bồ

Bồ là con Lý Công-Uân, em Lý Thái-tông. Năm thứ tư hiệu Thuận-thiên (1013), Lý Thái-tông phong làm Khai-quốc-vương, thờ ở phủ Trường-yên (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2, tờ 6 a). Bồ ở đây cậy có núi sông hiểm trở, tụ họp những bọn vong-mệnh (dân trốn tránh; tiếng tục của ta có tiếng vắng mặt, chính là hai chữ ấy, cướp bóc tiểu-dân, Lý Thái-tông không biết đến nên cái ác càng ngày càng lớn. Đến năm Mậu-thìn (1028) Bồ nghe Lý Thái-tông mất Vũ đức-vương bị giết, Bồ càng bất bình, đem quân ở phủ Trường-yên làm phản. Tháng tư năm ấy (1028) Lý Thái-tông cho Lý Nhân-Nghĩa tức-thứ (ở lại giữ) kinh-sư (Thăng-long), rồi thân làm tướng đem quân đi đánh. Ngày Nhâm-thân, quân nhà vua đi đến Trường-yên, Khai-quốc-vương tin rằng Vua hạ lệnh rằng: Kẻ nào cướp bóc của cải tiểu-dân thì chém. Quân sĩ nghiêm lệnh, một mảy không dám phạm. Quân nhà vua vào trong thành Trường-yên, Nhân-dân trong thành tranh nhau đem cho trâu

trâu và đồ ăn đầy đường. Vua sai sứ đi dụ-dụ, cả thành đều vui lòng. Vua bèn thu-quân về, và bắt Khai-quốc-vương cùng liên thuộc đem về Thăng-long. Khi về đến kinh-sư, vua tha tội cho Bồ và khai phục cho làm Khai-quốc-vương (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2, tờ 14 b và 15 a-b).

Đến việc châu Ái, châu Hoan châu Định-nguyên châu Chế-nguyên, tiếp-tục nhau khởi loạn, sử chữ nhỏ chép như sau này:

« Vào khoảng sáng ba năm kỷ-ty (1029) người giáp Đán-nãi châu Ái (nay Thanh-hóa) làm loạn. Tháng tư, vua Lý Thái-tông tự làm tướng đi đánh, cho Đông-cung Thái-tử coi việc nước; khi đã dẹp yên được loạn, vua sai trung-sứ đốc thúc dân zy khai một cái cảng, đặt tên là cảng Đán-nãi, rồi thu quân về » (Khâm-định-Việt-sử, q. 2, tờ 33 a-b).

Cách 13 năm, tức tháng giêng năm quý-vi (1043) châu Ái lại làm phản.

« Tháng hai châu Văn (châu Văn-Uyên; thuộc Lạng sơn) làm phản đến tháng một tháng ba vua Lý Thái-tông cho Khai-quốc-vương làm đô-thống đại-nguyên-soái đi đánh châu Ái, Phụng-càn vương làm đô-thống nguyên-soái đi đánh châu Văn. Khi dẹp yên châu Văn Phụng-càn-vương dâng bốn con ngựa tốt bắt được ở châu Văn,

Vua đặt tên là: Tài-thiên, Quỳ-ga, tháng. Truy-phong Vũ-Nguyệt-nữ » (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2, tờ 31)

« Tháng riêng năm tân-vi (1034) người châu Hoan (nay Nghệ-an) làm phản, tháng hai, vua Lý Thái-tông thân làm tướng đi đánh, cho Thái-tử coi việc nước, quân đi tụ kinh-sư đến châu Hoan người châu ấy xin hàng vua ban chiếu tha tội đê-sơ-mục-thứ, sai trung-sứ phủ-dụ tiểu-dân ở về » (Khâm-định-biệt-sử q. 2, 1030 b)

« Năm quý-dậu (1033) châu Định-nguyên khởi loạn, vua ở kinh-sư làm phản. Tháng hai vua Lý Thái-tông thân chinh, cho Đông-cung Thái-tử coi việc nước. Quân đi từ kinh-sư đến châu Chế-nguyên (nay phủ Lâm-thao thuộc Sơn-tây), có Đào đại-dã (dã lộ) dâng con gái vua nhận, trở nên làm phi. Ngày 17 nhà được chiếu Định-nguyên rồi thu quân về » (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 2, tờ 21 a)

Tháng chín năm ất-hợi (1033) châu Chế-nguyên (không rõ ở đâu) làm phản. Đến tháng mười vua Lý Thái-tông thân chinh, cho Khai-quốc-vương (tức Đông-cung Thái-tử tên là Nhật-Tôn) sau, là Lý Thánh-tông coi việc dẹp yên được châu Chế-nguyên; đến tháng một tháng mười hai thu quân về » (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 2, tờ 21 b).

« Tháng chín năm ất-hợi (1035) châu Ái lại làm phản. Đến tháng mười vua Lý Thái-tông thân làm tướng đi đánh, cho Phụng-càn-vương là Nhật

Trung làm kinh-sư lưu-thứ. Quân nhà vua đi từ kinh-sư đến đóng ở châu Ai. Vua đến thành-doanh đến hờnng thì thầ và tướng-sứ, vua trở ngăm vào chức định-thắng đại tướng, là Nguyễn-Khánh mà bảo các pải rằng: « Nguyễn-Khánh rất làm phẫn ». Pải tăn đều giết mình tầu rằng: « Sao bệ hạ lại biết? » Vua nói: « Nguyễn-Khánh lòng không ngay thẳng nên thấy trẫm thì cử chỉ làm lỗi, nói năng khác thường; xem thì thì biết hẳn có chi khác, tình trạng làm phẫn đã rõ ràng lắm ». Đến khi đánh được Ai châu, đặt tội mục trưởng châu Ai, sai sứ phủ dụ nhân dân, rồi về Phụng càn vương là Nhật-Trung làm chức lưu thủ kinh-sư nghe được việc Nguyễn-Khánh và Nghĩa đệ là Đô thống Đàm toái trang, cùng với người sư họ Hồ, và hàng đệ là Thăng-càn Thái-phúc cùng mưu làm phản, đem tình trạng báo vua các pải tăn đều sai lại tầu rằng: « Chúng tôi nghe được Trẫm nhân ngăm xét thì chưa có biết; đón trước khi chưa măm mống, nay được trông thấy ». Vua bèn chiếu bắt bọn Nguyễn-Khánh đóng cũi đưa về kinh-sư. Mồng một tháng mười một, vua đến Cháo Ái, đặt lễ làm-chi (đánh được trận về uống rượu ở nhà tông-miêu) khao thưởng những tướng sĩ có công đánh châu Ai. Cùng tháng ấy vua ngự đến Thiên-khánh, tra hỏi bọn sư họ Hồ và Nguyễn-Khánh, đều bị tội cắt đứt đẻo xương ở

Tây lồi (chợ Tây); còn ngoài ra đều chiếu tình-trạng vắng vẻ mà định tội ». Đ. V. sử ký, toàn-thư, q. 2, từ 23 a đến 24 a; K. đ. V. s., q. 2, từ 40 a-b).

Đây là những việc phía Nam và trung-ương, còn phía Bắc thì có việc Lâm-tây như thế này:

« Tháng mười lăm bình-tý (1036) đạo Lâm-tây (nay phủ Gia-hưng thuộc Hưng-hóa) và các châu Đồ-kim (nay tổng Đồ-kim, huyện Hàm-an, tỉnh Tuyên-quang), Tề-thông tán (không rõ) Bình-nguyên (nay châu Vị-xuyên, Tuyên-quang) đều làm phản, cướp bóc những trâu ngựa của nhân dân châu Tư-lãng (thuộc phủ Thái bình tỉnh Quảng-tây) của nhà Tống, đốt cả nhà ở rồi về ».

« Mồng một tháng hai năm sau (1037) vua Lý Thái-tống thân-trình đạo Lâm-tây cho Khai-hoàng-vương là Nhật-tôn làm đại nguyên soái đi đánh các châu Đồ-kim, Thường-tân và Bình-nguyên, cho Phụng-càn-vương là Nhật-Trung giữ kinh-sư, Vua tự làm tướng đem quân đi đánh đạo Lâm-tây, đến tháng ba quân nhà vua đi đến Lâm-tá, pải d rợ rồi về ». Đại Việt sử ký toàn thư, q. 2 từ 21 b và K. đ. V. S., q. 2, từ 41 a b).

Hết việc trị an, đến việc giao-thiệp, theo sử chữ nho chép như sau này:

Vào khoảng tháng 11, 12 năm Kỷ-tỵ (1029) « nhà Tống sai Chương-Địch sang tế-diệu vua Lý

Thái-tổ và sai sứ phong vua Lý Thái-tống làm Giao-chi quận-vương » (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2, từ 20 a).

« Tháng tư năm Canh-ngọ (1030) vua Lý sai đại-hôn-ban là Lê-Độc-Thọân và viên-ngoại-lang là Nguyễn-vết-Thần đem phương vật sang Tống báo sinh » (Khâm-định Việt-sử, q. 2, từ 35 a).

« Tháng tám năm Giáp-tuất (1031) vua Lý sai viên ngoại-lang là Hà-Ty và Đỗ-Khoan đem hai con Thuận-tượng (voi cưỡi được) đưa cho nhà Tống, nhà Tống lấy Kinh Đại tạng (chữ-phạm là Trípítaka) để đáp lại » (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2, từ 22 b).

Tháng tám năm Kỷ-mão (1039) vua Lý lại sai đại-hôn-ban là Sư-dũng Hòa và quận-vương-ban là Đỗ-Hưng đem phương vật sang Tống để tỏ tình giao hiếu » Đại Việt sử-ký toàn thư, q. 2 từ 28 a Khâm-định Việt-sử, q. 2, từ 45 b).

Đây là những việc ta giao thiệp với Tàu, còn những việc ta giao thiệp với các nước nhỏ và các châu-mục hoặc tù-trưởng các xứ tượng-du, sử ta chép như sau này:

« Tháng giêng năm Quí-dậu (1033) nước Chăm-lạp (tức Cao-mên) sang cống vua ta » (Khâm-định Việt-sử, q. 2, từ 35 b). « Đến tháng mồng một năm Kỷ-mão (1039) nước Chăm-lạp lại sang cống » (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 2, từ 28 a-b).

« Tháng tám năm Canh-thìn (1040) người giữ trại Bố-chính (nay là 3 huyện Bình-chính, Minh

(Xem Hết tra q. 15)

NHỮNG VẾT-TÍCH NÔ-LỆ CẦN PHẢI TÁY TRỪ

Muốn giải phóng cho dân tộc Việt nam đã bị giàng buộc trên sáu mươi năm giới trong vòng xiềng xích của người Pháp ta cần phải tẩy trừ hết cả những vết tích nô lệ hiện giờ còn hằn ở ở trung quanh ta, từ trong tinh thần đến ngoài hành thức.

Nói chuyện — Có phải bạn tây học, vì mới quen, trong khi nói chuyện thường hay nghĩ bằng tiếng tây cho nên lúc phát ra lời nói phải mất công dịch sang tiếng ta, rồi vì chưa tìm được những lời bằng tiếng ta cho thú vị hợp với ý, liền vội cho là tiếng ta không đủ. Thành ra câu chuyện nói một cách «lai» rất khó nghe. Nếu ta từ nay chịu khó một tý, cố nghĩ bằng tiếng ta, thì ta tự khắc thấy tiếng ta cũng đủ dùng.

Xã giao — Những lời chào hỏi, xưng hô, những lời viết thư viết thiệp v.v. ta vẫn cứ tự xưng, xưng tụng đã đầy đủ. Giờ ta nên bỏ các lối nô lệ ngoại lai đi.

Và lại, các lễ mới này ta tuy quen dùng ở các nơi đô-thị, song ở chốn thôn quê dân ta chưa quen dùng. Nghĩa là quốc dân ta nhiều lắm mới được độ một phần trăm biết theo lối xã giao của Pháp, như là bắt tay, chào nhau bằng câu «Comment allez-vous», bắt chước những cử chỉ của người Pháp mà ta cho là văn minh, như cái bành tây ngược, vót bút chì ngược. Vì thế, muốn cho nhất trí trong việc xã giao, ta cần phải bỏ những lối đó đi.

Hàng nói riêng lời bàn tay. Trong một cuộc hội họp, ta có thể có một số người tuấn thủ đã quen bắt tay, cùng ngồi với một số người thôn quê không quen bắt tay. Nếu ta phải dùng đến hai lối chào để đối đãi, có phải là ta đã chia rẽ cử tọa ra hai phái kể khinh người trong không? Thực là một cử chỉ vô ý thức. Và lại lối bắt tay còn dễ cho ta lây bệnh truyền nhiễm nữa.

Các trò chơi, các đồ chơi — Những người có nhiệm vụ trông nom trẻ em, nên cho chúng chơi các trò chơi có tính cách khuyến khích lòng ái quốc, tăng tiến trí, đức dục, nhưng không nên quá nô lệ về phần hình thức của Âu tây. Các nhà làm đồ chơi cho trẻ em, nên sản xuất những thứ có tính cách xứ sở hơn là những thứ vô ý thức như là những chiếc xe ô tô với một anh chú lái ta công lưng, kéo một «bà đầm» béo ngời, cũng là những con bò bê mũm mĩm to quá.

Lịch xem ngày — Ta nên có một lịch Việt nam để mà dùng, nghĩa là một thứ lịch lấy ngày tháng ta làm chủ, còn ngày tháng dương lịch chỉ dặt vào địa vị khách thôi, nếu nó cần cho ta trong việc giao thiệp quốc tế. Còn năm thì ta cứ thả lay năm đầu đời Hồng Bàng làm kỷ nguyên, nghĩa là năm nay Ất Dậu (1945) là năm 4821 của ta, vì Hồng Bàng lập quốc từ năm 2879 trước Gia-tô.

Bia, tượng, tên phố, v.v.
Những tượng đồng, bia đá, lập

phố, tên nhà của người Pháp lập lên, đặt ra từ trước đến giờ, ta nên dần dần hủy bỏ. Thay đổi, cho hết cái vết tích của cuộc Pháp thuộc.

Về vấn đề này chúng tôi sẽ bàn kỹ đến trong một bài báo sau.

Biển hàng — Ta nên dần dần thay hết các biển hàng dùng chữ Pháp đi. Những biển hàng đó để cho ta đọc chữ có phải để cho người Pháp đọc đâu!

Vấn đề này đã nhiều người nói đến rồi, chỉ xin nhắc qua ở đây.

Giấy má sổ sách — Các giấy má công và tư, các sổ sách thương mại kỹ nghệ, nên dùng toàn một thứ chữ quốc ngữ.

Ở Hà nội cần phải có một viện quản lý văn khố để làm các văn khố hợp đồng bằng chữ ta.

Việc học — Ta phải đứng tiếng ta trong việc học — Đã bàn đến trong bài «Việc học độc lập».

Sử ký — Các dân tộc độc lập lấy quốc sử làm môn học chính, mà văn quốc sử chỉ là môn học phụ. Đáng này, nước ta từ trước đến giờ học lịch sử Tây, đến học sử Pháp, thành ra cái số học giả thông thạo Bắc sử Tây sử, hơn Nam sử, lại là phần đông!

Vậy ta cần phải có nhiều sách viết về Nam sử, từ sơ vãng cho đến cao đẳng, để đủ cho học trò các lớp dùng.

Lại còn cần phải có nhiều loại sách phổ thông về các vĩ nhân, thắng cảnh, thần tích, của ta, để cho trẻ em đọc.

Đó là hàng xin nói qua một vài điều tưởng thấy. Kể ra thì những vết tích nô lệ còn nhiều sự nhàn rỗi của một người sợ không đủ viết. Mong các bác quảng kiến đưa vào bổ túc cho

(NGUYỄN PHƯƠNG)

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

(1800 - 1873)

36 2

TIỀN ĐÀN

Ông Nguyễn Tri Phương dâng, sớ xin: « Hạn trong ba năm các phủ huyện nào giở việc đốc thúc mộ khẩu; đình được 30 tên, đến được 60 mẫu thì thăng thưởng cho, phủ huyện nào chỉ được một phần năm thì không được thưởng gì cả, còn bất cấp sẽ bị triều đình nghiêm trị... »

Y theo nhời đề nghị, vua cho phép thi hành. Năm Tự đức thứ chín (1856), án-sát tỉnh Định Tường là Vương-sĩ-Kiệt dâng sớ tâu rằng: « Việc lập đồn điền quả là không tiện, bởi vì đem những tá phạm vào mà canh khẩn, nó thường quen thói cũ, rủ nhau đi ăn cướp của dân, lại thêm hay trốn tránh nữa... »

Nhà vua giao sớ ấy cho bộ Hộ xét. Bộ thần tâu rằng: « Xét việc đồn điền lập ra nay đã thành tựu: lập thành làng xóm, khẩn nhều đất đai, dân sự đã an cư lạc nghiệp. Nay án-sát vương sĩ Kiệt chỉ trích một hai điều nhỏ mọn, nói làm bất tiện, thì bất quá là mua lấy tiếng ngay thẳng với vua đó thôi, bộ chúng tôi tưởng việc ấy không cần phải xét »

Năm Tự đức thứ 10 (1857), nhân việc học tấu trên, Ông xin về chiêm cày, đề trình bày các việc. Vua ưng cho.

Khi vào chầu, đức Tự-Đức phán

hỏi: « Trong lục tỉnh, địa thổ rộng lắm, sao khanh nhất nhất khám tường được hết? » Ông tâu:

— « Thần thường thường đi khám xét ở đây chỗ khác, lại phải các phủ huyện xét bẫm tình hình, nên biết rằng nay số đình đã tăng, số điền cũng mở mang nhiều hơn các năm trước. » Nhân lại kể trình một bản tấu:

1 Ruộng mới khẩn trên ba ngàn mẫu, lúa mới thu vào 8.000 lượng, hiện đang trữ tại tỉnh thành,

2. Xin đem lúa gạo ấy phân trữ vào mỗi tỉnh một ít để ngộ thời cho quân dùng khỏi lấy vào của kho nhà nước.

Vua ban khen và cho ông được tùy nghi thi hành.

Gặp khi binh thuyền Pháp vào cửa Đà-nẵng, bắn vào pháo đài, phá được đồn An-hải, Quan Tổng-thống là Đnh - Lý bị thương, sớ về vua sai ông làm Tổng - thống đại thần Quảng nam thay Đnh-Lý. Ông vào thì cửa gặp 3 binh thuyền Pháp tiến vào Nại - biên gian (?), mới đốc thúc quân bắn trả được 1 chiếc, còn 2 chiếc tháo lui.

Vua Tự Đức thưởng cho ông một thanh thưởng phước-giếm, được quyền tiền trăm hậu ấu, và bắt ông phải trình hoạch cáo chước đề phòng bị. Ông tâu:

« Súng Pháp và tàu Pháp giỏi lắm, còn quân ta thì giỏi việc ngăn giữ thôi, xin cho cấp thêm đồ lấy từ Hà-châu đến Phúc-ninh, ngoài đào hào chữ phàm (), dưới thì thả chông gai, trên đặt mảnh mảnh với cỏ rác rồi chia binh mà ngao giựt tại đồn Điện-hải. »

Quân Pháp tiến đánh, chia làm ba đạo! Ông suất quân vây đánh, lửa được quân Pháp ra hầm chết rất nhiều. Nhưng lần nữa quân Pháp tiến đánh, quân ta bị thua ở đồn Lớn tr. Ông Nguyễn Tri Phương dâng sớ thỉnh tội, phải giá xuống 2 cấp lương.

Năm Tự - Đức thứ 11 (1858), nhân mùa lạnh, vua nhớ đến ông, lập từ: cởi áo trong miếu đang mở bằng thiền sư long tuyền nhưng, sai thị vệ mang vào ban cho ông với một bài thơ.

Năm Tự-Đức thứ 13 (1860), ông dâng sớ tâu rằng: « Binh Pháp tuyền súng đã tinh giao phong thì lâu chét, binh ta không phải là tay đối thủ với nó, giữ cũng chưa xong thì đánh sao nổi! Nay xin đem binh lại các đồn mà canh giữ phòng bị, cố thủ lâu kể lâu dài. Lại xin cho cấp lúa gạo, binh lương, súng ống để các đồn ấy dễ làm binh nhu, khi nào xảy việc thì đã sẵn sàng cả. »

Vua quở rằng: « Đã làm tướng đánh giặc mà sợ giặc, để cái lo cho vua, rồi lại không làm gì hết thì có dân mà thành công được? » Lại dụ ông rằng: chiến hòa, thủ, ba việc ấy nên làm việc nào cho cứ thế mà làm; chớ đừng nói Trừu diên không người mà giữ vậy chịu chết »

Ông làm thêm đồn lũy và thêm quân giữ đồn đồn, ngăn ngừa tặc giặc.

Quân Pháp đánh Trà-sơn, An-diên ông đem binh đánh một trận ở đó, tàu Pháp thua chạy.

Vua Tự-Đức mừng lắm, cho phép ban sắc về kinh, vời lên đến, cho ngồi dưới long ý, rồi ban cho áo vàng và ngọc để đáp công lao.

Nhân vua hỏi về việc quân thứ Gia-dinh, ông trả lời: Người Pháp giỏi, lại thêm ưu tiền sung hậu, mình yếu thế hơn, chớ đánh thì bất lợi, nhưng đạo làm tôi như hạ thần, nếu hòa với người ta, hại tay làm quốc làm, còn đánh mà không lo được thì cũng là tội của ngu thần. xin theo ý nhà vua sở định, ngu thần cũng xin cúi mình hết sức cho đến chết thì thôi, cứ có điều dám liều thân gk. » Vua phán:

« Trẫm nghe mà lòng khinh ân đủ cho trẫm thấy rõ cái lòng trung thành của Khanh, ai nghe thấy cũng phải chảy nước mắt. »

Quân Pháp tiến đánh hai tỉnh, An-giang, Bà-tôn, số hai tỉnh cáo cấp. Vua Tự-Đức phán bảo ông rằng:

« Nay làm tướng ở Nam-kỳ không ai bằng Khanh cả định thần đến tận giờ thì

khanh không nên thoái thác, hãy gắng mà đi, còn ở Quảng-nam nếu có điều gì khẩn cấp, trẫm sẽ cử một đại viên vào thay, nhưng Khanh có biết ông nào đương nổi được trách nhiệm thì Khanh hãy cử lên cho trẫm. »

Ông trả lời: « Nay binh Pháp lại hiệp với binh Cao-mán, binh Tầu đến đánh thì việc này giờ vì với ngày trước lại khó khăn gấp năm ba phần. Còn sức dân đã mỏi của dân cũng kiệt, nhưng phận làm tôi, hạ thần không dám từ nan dù đi Nam hay đi Bắc cũng xin tuân lệnh. Quảng-nam sau này nếu có giặc nữa thì có 2 ông Phan Thanh-Giản, Nguyễn Bá Nghi, từng ở chỗ chỉ-huy-phủ, thuộc được việc quân cơ, cũng có thể đảm đương được trách nhiệm. »

Vua đều nghe theo.

Trước khi ra đi, ông còn một lần với vua 6 điều:

1) Hiện nay nước ta có nhiều việc, xin chú ý việc binh và việc tài chính, còn các việc không bộ trọng xin bớt đi.

2) Xin ra lệnh sai binh phụ chức súng lớn vào Gia-dinh để có lửa bắn đánh.

3) Xin sai ông Phạm thế-Hiền đi theo quân thứ để sai phái.

4) Xin sai người ra dụ người Bắc kỳ cho kết nối giao hảo.

5) Xin gửi thư qua Tiêm-la đề nước ấy theo theo binh Pháp mà đánh ta.

6) Xin phái người qua Cao-mán mà giảng giải đường kết liên với Pháp.

Vua đều nghe theo, ban cho ông thượng-phương kiếm được tùy nghi hành sự.

Vua Tự-Đức 14 (1861), Gia-dinh đánh ta là Trần Văn Đẩu. Chỉ huy táng Lý là Nguyễn-Duy (em ông Nguyễn tri Phương) (4) và táng tướng là Tôn thất Trí đều bị đạn mà mất, ông Nguyễn tri Phương cũng bị thương ở bụng, vua Tự-Đức sai một người ngoại khoa sang chữa trị. Ông tri Định thần tàu rằng:

« Nay Gia-dinh thất thủ, xin bệ hạ giáng Nguyễn tri Phương xuống tham tri, bãi chức quân vụ đại thần, cho ở ngoài mà dưỡng bệnh. »

Vì thế, ông xin tâu một thư dâng về kinh để từ.

Quân thứ dinh Định-tướng và Biên-hoà là Nguyễn Bá Nghi cùng với tổng-đốc, Lê Đỗ-Quân, chạy về tàu rằng:

« Lúc này việc quân khẩn lắm, sợ bị không nổi. »

Vua Tự-Đức xem sơ phần sách:

« Đánh giặc là việc trọng, trừ Nguyễn-tri-Phượng là trọng tể, không có ai đương nổi việc này. »

Thế rồi, lệnh Biên-hoà phải thủ, định thần lại tâu xin cho Nguyễn tri-Phượng phụ chức, hiệp đồng với Nguyễn Bá Nghi để đánh giặc.

Vua sai tuyên triệu ông, cho khai phục hàm thượng thư, thăng hàm sai Tổng thống quân vụ đại thần, ban cấp quần phù, kiết ấn, quần áo và 1 trăm lượng bạc. Ông từ bạc. Vua dụ rằng:

« Trẫm biết Khanh có hàm tốt, nhưng đó là để cho Khanh

1) Col., Tri-tân số 7 ngày 1er Juillet 1941.

Hôm đó phải, chứ to tát gì số tiền ấy mà khanh phải từ chối. Ông bắt đầu đi phải nhận.

Ông vào đến Quảng-nam, cũng quan tỉnh là Đào Trí và Nguyễn Hiền trừ nghi việc làm thêm đồn lũy ở Hà-năng. Xong việc, ông vào Bình-Huân thì vừa gặp ông Nguyễn hú Nghi chạy giặc về đây. Ông ta nói rằng: « Sống tây bản giữ quá! Không thể gì giữ thành nổi! Tôi phải làm sớ về kinh thỉnh tội thôi. »

Vua lại dụ ông Nguyễn trí Phương phải đi gấp vào ngay tấy thế này làm. Khi ông vào đến Bình-thuận, thì mấy lính trong Nam-kỳ bắt bắt cả.

Năm Tự-đức thứ 15 (1862); Triều - đình sai hai ông Phan thanh -Giản Lâm duy-Hiệp vào Nam kỳ nghị hòa.

Ông Nguyễn-trí-Fương về triều phục mệnh Vua dụ rằng:

— « Hôm trước có chỉ triệu khanh về, khanh xin hưu trí, nhưng đương lúc nước nhà nhiều việc, nhất là ở Bắc kỳ khanh nên tận tâm báo quốc, trấn chưa cho về hưu. » Ông tâu rằng:

— « Đạo làm tôi phải hết lòng vì vua vì nước, nhưng Bắc-kỳ hướng lại lâu, bản chưa ra đó, không rõ tình hình địa thế, bộ hạ nghĩ thế nào thảy cũng xin vắng theo. » Vua phán:

— « Thôi khanh ở lại Triều một tuần nhật coi phiên sớ chạy về thì biết tình trạng, rồi có chức gì hay, nên bàn với các ông Đoàn Thọ và Trần tiến Thành. »

Lúc ấy ở Tuyên quang (Bắc kỳ) có thổ phỉ là Nông - hung - Thọ

cùng bọn giặc Tầu hiệu Cờ-vàng là Hoàng-sung Anh nổi lên vây thành Tuyên-quang. Vua ứng làm sớ cáo cấp; vua ban cũng đình thần cử người ra dẹp giặc.

Có một viên đại thần là Trần tiến-Thành-liên cử ông Nguyễn-trí Phương.

Vua Tự Đức phải cho ông làm khâm sai sung Bắc kỳ tổng thống quân vụ đại thần. Ông lĩnh mệnh ra đi.

Hồi đóng đồn ở sông Chiêm-đức, một thư cho quan tỉnh Hà nội tỉnh Sơn tây sáo nhiều thuyền tiếp ứng một mặt gửi thư cho quan Bắc-ninh hẹn hễ nghe pháo hiệu thì phải đem binh tiếp ứng. Ông cũng tâu lý Huỳnh Thanh, tâu tước Phan-dinh-Tuyên ngầm đem binh qua sông, xuất kỳ bất ý, đánh vào đồn giặc, 4 ăng đến ứng thành. Lại cũng tâu lý Nguyễn-văn-Trọng kéo binh lên Đại-nghuyên, bắt được giặc tầu là Lê-văn-Tổng và Tham mưu Đoàn-văn Đắc, rồi kéo binh về họp ở Bắc-ninh. Tất cả ba tỉnh đều yên.

Năm Tự đức 16 (1863), tháng thụ Hiệp-biện đại học sĩ sung Bắc-kỳ Tổng thống quân vụ đại thần.

Năm ấy, giặc Tầu-ô chiếm cứ miền hải đạo và vào cướp phá tỉnh Hải-dương, Hưng-yên. Ông đem binh đi dẹp, phá giặc ở Cổ-tra, Phần-dương. Giặc tan.

Vua Tự Đức được tin, rất mừng, xuống dụ rằng:

« Khanh là bậc công thần nguyên lão, trải thờ 3 triều đánh hơn 400 trận, trước dẹp phương Nam, nay yên

đất Bắc, một lòng ưu quân ái quốc, chẳng quản khó nhọc. Nay trăm đem em gái trăm là Đặng-Xuân công chúa mà hạ giá cho con thứ của khanh là Nguyễn trí Lâm (2) phong phò mã đô úy để đáp ơn lớn của khanh. Trăm sẽ sai Khâm thần giám chọn ngày tốt, rồi sắc tôn-nhân phủ hội đồng với hiệp-biện đại học sĩ Trần-tiến-Thành chủ-trưng việc ấy. Khanh vì quân vụ phân-phối, miễn cho lễ triều, để lo việc quân cơ và vỗ yên dân sĩ. »

Năm Tự đức 17 (1864), nhân đánh giặc Nã-sơn ở Hải-dương, Páo đề dẫu Vũ-Tảo bị giặc bắt, Ông dâng sớ thỉnh tội, phải giáng hai cấp.

Năm Tự-đức thứ 18 (1865), đình thần tâu xin việc cam nha - phiên đề đánh thuế cho lợi. Vua dụ hỏi ông. Ông tâu:

— « Nha-phiến rất hại người lưu lại cho nước, không nên đánh thuế làm gì. »

Việc ấy mới thôi. Cùng năm ấy, giặc Tầu-ô lại vào cướp phá làng Phù-long, làng Cá ba ở ven biển. Ông cũng tâu lý Nguyễn-văn-Trọng đem chiến thuyền tiến đánh, bắn chìm 20 chiếc thuyền giặc bắt được 10 chiếc; các thuyền khác bỏ chạy.

Vì có công, được thăng thụ thái bảo vũ kien đại học sĩ Tri-đứng tướng, Trang-liệt bá, sung Bắc-kỳ, tổng-thống quân vụ đại thần.

Năm ấy, ông đã 55 tuổi, vì vết thương cũ đau, nên dâng sớ, xin giỗ về triều.

Ngày Cai Tri-Tên 21 ngày, đại tháng một 1911.

Nhân ở Kinh-thành, có bọn Đoàn Trung, Đoàn Trục làm loạn, vua sai thượng thư bộ Công Nguyễn Văn-Rương và đề đốc Nguyễn-Hiến ra mời ông về và cho đón tại cửa An-hóa. Đến lúc vào chầu, vua cho ngồi, ban hỏi về tình hình và phong tục ở bên cạnh, sai may quần áo tặng ông. Nhân có việc loạn trên, ông thiếp bện đai học sĩ Võ-trung Binh dâng sớ, có đoạn: « Hoàng thượng xây Khâm cung là việc bất đắc dĩ, chứ không gấp gì, thế mà có vận đồng - lý Lê - Xa, bộ lý Nguyễn-Ciất bắt dân phu làm ngày làm đêm khổ nạn khiến đưa ruộng phu Đoàn Trung nhất thời xướng loạn. Xin cách chức các viên đó giao sang bộ Hình xét tội. Đến bảy giờ mưa gió kịp thời, xin hoãn công dịch vài tháng cho dân phu về làm ăn. Còn các bầy tôi ở Triều không hay xem xét công việc để xảy ra như thế. Ưng nên nghị tội Bọn tôi ở ngoài về, nhưng làm đầu trong nước xin chịu tội luôn thể. » Vua nghe theo, phán rằng :

« B : Khanh đều ở ngoài không can gì đến việc ấy thời sao mà phải nghị tội. »

Năm Tự đức thứ 21 (1863), Cao Bằng, Lạng-son có gặc Ngô Cên. Vua hỏi ý ông về việc dẹp giặc. Ông xin đi; vua lấy chỗ Kinh - sư làm trọng địa, không muốn cho đi.

Rình Triều đình tiến đánh Ngô-Côn, bị thua ở Từ-son: tham-tán Nguyễn Lễ, đề - đốc Nguyễn - Vết Thành tử trận, tổng đốc Phạm-chí Hương bị gặc bắt. Ông Nguyễn-trí Phương xin ra Bắc-kỳ cò đánh giặc. Năm Tự đức thứ 22 (1869), đình - thần cử ông Nguyễn - Vĩ

Phương sang Bắc-kỳ Kinh lược đại sứ đề lo việc đánh dẹp. Vua Tự đức không ưng phán rằng :

« Làm việc lớn phải trông vào bậc nguyên lão đại thần, nếu ngộ ngày sau không có Nguyễn Khanh thì lấy ai mà ngăn chống bờ cõi ? »

Năm Tự đức 23 (1870), các tỉnh Thái-nguyên, Lạng son, Cao-bằng lại bị giặc: Cờ-đen Lưu vĩnh Phúc thường sang cướp phá; quan quân đi đánh, bị thua luôn; số tàu về, vua lo lắm, vời ông vào dụ cho sung Tam Tuyên quân thư khâm mạng đại thần, cho được phép tùy nghi dẹp giặc, lại ban cho kỳ binh, kiếm, ấn, cờ mao tiết, áo nhung phục.

Hạ đến nơi, ông đánh mấy trận đều thắng lợi, dùng kế tuyệt lương, Lưu vĩnh-Phúc, Bạch-quế-Đường đều phục tòng và xin giúp đỡ quân ta gặp khi hữu sự.

Nhân thấy Lưu vĩnh Phúc có tài, ông mời làm sớ dâng vua thu dụng. Vua Tự - đức ban cho Lưu hàm đề-dốc. Năm-Tự đức thứ 25 (1872), vì có công ông được ban một cặp áo kép và được khai phục Trại tử Thái bảo, Võ hiền diệu đại học sĩ, Trĩ dũng tướng Tráng liệt bá, sam. Tam Tuyên quân thư, khâm mạng đại thần.

Năm Tự đức thứ 26 (1873), có người Pháp là Đỗ-phổ-Nghĩa (Jean Dupuis) chở binh khí và hàng hóa qua sông Hồng-hà lên Vạn-nam để bán cho người Tàu; lúc ấy việc thông thương ở sông Hồng-hà chưa định rõ nhưng Đỗ-phổ-Nghĩa, cậy thế thủy quân thiếu tướng Dupré ở Sài-gòn, nên không coi luật lệ nước Nam vào đâu cả.

Tháng một năm, Nhâm-tân (1872), Đỗ-phổ-Nghĩa cùng một bọn người Tàu là Bành - lợi - Kỳ, Quan-tá-Đình và một viên Tư phủ là Lý-ngọc-Từ đem một đoàn thuyền chở gạo, muối, binh khí, từ Hải-dương lên Hà - nội. Đỗ-phổ-Nghĩa nói là đem lên Vạn - nam, nhưng đến sông Ha-hóa thuộc tỉnh Hưng-hóa thì dừng lại và thông đồng với bọn Hoàng-sùng-Anh, hưởng giặc Cờ vàng.

Khi đoàn thuyền ấy ghé bến Hà-nội, các quan ta bắt giam hai tên khách buôn, Đỗ-phổ-Nghĩa liền đem quân đi bắt quan phòng-thành Hà-nội và quan huyện Thọ-xương đem xuống thuyền.

Được tin ở Bắc-kỳ có sự lộn-đời, Triều đình cử ba ông Lê Trăn, Nguyễn tăng Doãn và Nguyễn văn Tường vào Nam-kỳ nhờ thiếu tướng Dapré gián-xếp hộ.

Thiếu tướng, Dapré định đem quân ra chiếm Bắc-kỳ đã lâu, nay gặp được cơ hội tốt, liền viết thư gọi thủy quân đại úy là An-Nghiệp (Francis Garnier) về, rồi sai ra Hà-nội, cho phép tự do định liệu và dặn nhiều điều bí mật khác.

An-Nghiệp đến Hà-nội ngày 5 tháng 11 năm quí-dậu (1873), quan tỉnh Hà-nội là Phan-dĩnh-Bình, không cho người Pháp lên bộ, nói với An-Nghiệp rằng: « Việc chưa có Triều đình chỉ phán, nên không cho phép. » một mặt cáo cấp về kinh.

(xem tiếp trang 16)

BIA VĂN MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 111

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TO

11. — Nguyễn - khiêm
Quang người làng Hạ-yên-quyết
huyện Từ hươc phủ Quốc-oai, trấn
Sơn-tây Tại hương đồ giá-nguyên,
thi hội đồ tam-giáp đồng tiến sĩ
xuất-thần khoa quý mới (1523) năm
thứ hai hiệu Thống-nguyên của
Hoàng-đế Xuân. Làm quan đến
chức tham-mưu. Là ông nội
Nguyễn-văn-Trang. Tổ đời Nguyễn
nhị-viáp văn - sĩ khoa 1595. Là
Cao-tổ Nguyễn-vinh-Thịnh đồ tam-
giáp tiến sĩ khoa 1659 (Đăng
khoa bị khảo q. Sơn-tây, tờ 16b)
Đăng khoa lục q. 2, tờ 19a)

12. — Đỗ - nam - Cươn,
người xã Quang-bí huyện Gia-lộc
(Gia-phúc), phủ Hạ-bồng, trấn Hải
dương. Đồ tam-giáp tiến sĩ khoa
1523. Làm quan đến tự-khanh.
Là em Đỗ Dưng đồ tam-giáp tiến
sĩ khoa 158: anh em cùng làm
quan một triều (Đăng-khoa bị
khảo, q. Hải dương, tờ 35b).

13. — Vương - Dưng,
người xã Ph-rong-lâu, huyện K-m-
đông phủ Khoái-châu, trấn Sơn-
nam, nay K-m-dông và Khoái-châu
đều thuộc Hưng-yên). Đồ đồng
tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến
Giám-sát ngự-vũ (Đăng-khoa
bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 68b)

14. — Bùi - khắc - Thâm
người xã Lai-xá, huyện Lạng-thai
phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc
Năm ba mươi một tuổi, đồ đồng
tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến

tự-khanh. Là tổ của Bùi lượng
Thái đồ đồng tiến sĩ khoa 1583
(Đăng-khoa bị khảo, q. Kiph
bắc, tờ 125b).

15 — Phùng - hữu - Hưu,
người xã Văn-kien, huyện Sơn
minh, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn
nam. Đồ đồng tiến sĩ khoa 1523.
Theo Mạc, làm quan đến thừa
chính sử. Trắc Lý-trai bá (Đăng-
khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 59a).

16 — Phạm - đoãn - Giản.
người xã Phan-xá, huyện Từ-kỳ,
phủ Hạ-bồng, trấn Hải-dương.
Đồ đồng tiến sĩ khoa 1523. Làm
quan đến thừa-chính sử (Đăng-
khoa lục, q. 2, tờ 19b; Đăng
khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ
45a).

17. — Nguyễn - Hy, người
xã Phan-xá, huyện Thuận-lâm,
phủ Nam-sách, trấn Hải-dương.
Đồ tam-giáp tiến sĩ khoa 1523.
Làm quan đến thừa-chính sử (Đăng
khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ
63b).

18. — Vương - hy - Tăng,
người xã Bìch-khê, huyện Đông
yên, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-
nam. Nguyễn-tên là Mậu-Diên. Kỳ
thi hương năm ấy. học xã-bôn
trưởng, (bổ, trấn) /h. ở bà giữa
sông. Mậu Uyển đỗ đầu. Năm ấy
1523 hai mươi tám tuổi, thi hội
đồ đồng tiến sĩ Sau theo Mạc làm
quan đến thừa-chính sử (Đăng-khoa
bị khảo q. Sơn-nam, tờ 62b).

19. — Đào-Nghiem, người
xã Thiện-phẩm huyện Tiên-lữ,
phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam.
Đồ hội nguyên khoa 1523,
đến khi đình thí, đồ đồng tiến
sĩ. Phụng mệnh đi Sứ, làm
quan đến Bình-bộ hữu-ti-lang.
Là ông nội Đào-công-Son đồ
tam-giáp năm 1426 đời Lê
Binh-dinh vương. Sinh ra Đào-
Phạm đồ đồng tiến sĩ khoa
1568 (Đăng-khoa lục, q. 2, tờ
19 b) Đăng-khoa bị khảo, q.
Sơn-nam, tờ 69a, chép ông
theo Mạc làm quan đến Bình-
bộ tả-thi-lang.

20. — Phạm-quả-Đoãn,
người xã Cao-duệ huyện Gia-lộc
(Gia-phúc), phủ Hạ-bồng, trấn
Hải-dương. Đồ đồng tiến sĩ
khoa 1523. Làm quan đến chức
đề-huân giám-sát ngự-vũ (Đăng
khoa lục q. 2, tờ 19b Đăng
khoa bị khảo, q. Hải-dương,
tờ 39 a)

21 — Vũ-Tường, người xã
Tân-minh, huyện Tân-minh
(Tiết-minh), phủ Nam-sách,
trấn Hải-dương Đồ tam-giáp
tiến sĩ khoa 1523. Làm quan
đến giám-sát ngự-vũ được
phong phúc-thần (Đăng-khoa
lục, q. 2, tờ 19b Đăng-khoa
bị khảo, q. Hải-dương, tờ 78a).

22. — Nguyễn-minh-Khuê,
người xã Phú-hoa, huyện Tân-
phong (Tiên-phong), phủ Quảng-
Oai trấn Sơn-tây năm 33 tuổi,
đồ tam-giáp tiến sĩ khoa 1523.
Làm quan đến thừa-chính sử
(Đăng-khoa lục, q. 2, tờ 19 b,
Đăng-khoa bị khảo, q. Sơn-tây.

(Xem tiếp trang 47)

Nguyễn Tri Phương

(Tiếp theo trang 12)

Vua Tự-đức dụ lên Tam Tuyên với ông Nguyễn tri Phương về giữ thành Hà-nội.

Ông tiếp dụ, nói với tả hữu : « Việc này bởi quan tỉnh Hà-nội không biết dự-bị trước, đến nay binh thuyền Pháp đã đến tỉnh thành, dù có bầu toán đi nữa cũng khó lòng giữ nổi; nhưng đợ làm tội tội, phải vì nhà, vì nước, vì vua mà hết trách nhiệm dù gan óc lấy đất-cũng không lấy có gì thoát thác được ». Rồi lập tức đem theo con thú là Pô mã đồ úy Nguyễn-tri-Lâm đi một ngày về Hà-nội. Sau khi phân binh giữ thành, ông cùng với quan lĩnh đạo An-Nghiep gián xếp việc Đồ-phổ-Ngự-tử, nhưng ý không nói gì đến, còn bọn người Tàu cậy thế chủ, làm nhiều điều ngang ngược, nên quan Tuần-phủ Bùi thúc-Kiên sai bắt đem chém. Đồ-phổ-Ngự-tử lên thượng dụ mộ quân Tàu (phần nhiều là giặc Cờ-vàng), được 500 người, đợ bị chống nhau với quân Triều đình.

Rồi An-Nghiep không kè đến quan tỉnh, làm tờ biểu dụ dân. Ông Nguyễn tri-Phương lấy việc ấy làm vô-nghĩa, không cho nhận dân công nhận. Tức là 4 giờ sáng ngày 15 tháng 10 năm Quý dậu (1873) An-Nghiep đánh thành Hà-nội.

Nguyễn tri-Phương và con gái là phò-mã Nguyễn tri Lâm xuất quân lên thành phía nam thành định. Pô mã bị một phát đạn vào đầu, chết ngay lập tức. Có ông Nguyễn tri Phương bị thương nặng, quân sĩ khiêng vào dinh.

Người Pháp đem thuốc vào buộc, ông đều rút ra, đưa đồ ăn ông đều phân nhều không thêm nuốt. lại nói rằng : « Bây giờ nếu ta chỉ miễn cưỡng lấy đất mà sống, sao bằng thung-dung chết về việc nghĩa ». Rồi sai báo số về rinh (5) Đến ngày mồng một tháng một thì mất, thọ 74 tuổi (6). Số về đến kinh, vua lấy làm thương cảm, nghĩ một nhà ông cha con, anh, em, đều chết vì việc nước, bỏ mình ở chốn sa trường, thật đáng ngợi khen; còn mấy người thấy giặc bỏ chạy cũng đáng nên răn. Khâm mạng Bắc-kỳ, đồng-thống-quân vụ đại thần Nguyễn tri Phương trước, sai lên Tam Tuyên đồng sức đánh dẹp, rồi rời về trấn giữ Hà-nội, lúc ra đi cơ-quan có khó khăn, gấp rút, lại đề mất thành Hà-nội, vì nghĩa không chịu bỏ dở dang, nên đời mà chết thật khá thương-vi-hưng, giữ thành đề mất, tội ấy giao đình thần công luận. Song ta nghĩ ông ấy trải thờ ba triều, lúc nguy hiểm cũng như lúc thái bình, cũng một lòng trung dũng, thành thực, ai ai cũng biết. Nay vì nghĩa bỏ mình; vậy sức cả bình, phò tỉnh Hà-nội phải hộ tống quan-cửu của ông và của phò-mã đồ úy về kinh-quốc. Lại ban cho gấm 3 cây, hàng 3 cây, lụa 10 cây, tiền 1000 quan để mai táng liệm. »

Đến sau, xét việc thất thủ Hà-nội, đình thần nghĩ lâu buộc tội để mất thành' tìm cách chức và trảm-giảm tâu (?).

Vua xem nhời đình nghị, phán rằng : « Nguyễn tri Phương là bậc tôi trọng vọng của nhà nước,

trên chỗ không có ai khác về Hà-nội, không hay lo biện ngăn ngừa, tội làm chủ sự, vốn cùng nhều y theo nhời đình nghị, nhưng nghĩ rằng: ông nhất sinh trung dũng, lại tiết nghĩa trọn cả đời, trước sau cũng đều khó nhọc, nếu so với nhều kẻ lấy đất mà sống, không công trạng gì, lại khác xa lắm, cho nên ta gia ơn cho ông khai phục hàm Tham-tri; còn trước Tráng-liệt-bá là công ông, hồi trước đợ giao ở Nam-kỳ, bây giờ ta không nỡ nào thu lại. »

Đến năm Tự-đức (m. 28 (1875) phò cho liệt tpe vào đền công thờ trong một nhà ông tử tiết ở Hà-nội, em là Nguyễn Duy tử tiết ở Nam-kỳ, còn là phò-mã Nguyễn tri-Lâm cũng tử tiết ở Hà-nội theo cha, trung hiếu tiết nghĩa gồm đủ, nên sắc sai lập một ngôi nhà thờ Trung-hiếu trong làng và sai quan tư tở. Trong bài văn tế chính đức Tự-đức soạn, ở đoạn kết có câu :

« Ô hô! vi thần năng trung ư quốc,

« Ô hô! vi tử năng hiếu ư thân; duy trung dữ hiếu, nhất môn hám tụy... »

dịch

Than ôi! làm tốt biết trung với nước

Than ôi! làm con biết hiếu với cha.

(5) Theo nhời cụ Nguyễn đình Trong lúc Cờ Tởn thì ông Nguyễn tri-Phương ngầm, sáu chỗ Triều đình phát 'lạc, khi đến chỗ bị tập và giáng than tpe, ông bỏ súng mà chết.

(6) Theo gia phả, nhà (kinh), từ 1800 đến 1873 thì 73 tuổi.

Cả trung lẫn hiếu

Dồn-chứa một nhà...

(Bản dịch của Mon-Bông)

Đến năm Đồng-khánh nguyên niên (1886), phụ chính đại thần Nguyễn hữu độ đầu xin khai phụ: chức hàm như cũ và xin thờ vào chính án nhà thờ Hiến-lương. Vua chuân-y.

Một người Pháp viết sách về việc học hỏi của Hà nội năm Quý-dậu (1873), phả hình ông Nguyễn tri-Pápong là người hiền giáo tập hội-không biết dung nạp những tư tưởng Âu-tây, những tài-tướng hành-trạng trên đã đủ giả nhời rõ rồi,

Ông thừa là một bậc, trung thần liệt sĩ. Trong 30 năm giới chức cung tần tụy về việc nước.

Những người đồng thời với ông vẫn truyền tụng một bài thơ của ông làm lên ở Phan-thạch Gián đi kinh lược ba tỉnh Nam kỳ (Vĩnh Long, Hải-phong, Bắc-giang) dưới đây: Vẹn ngàn góc biển dậm chơi với,

Vui tẻ phấn nhau một bước đời,

Cá lại Long-giang hải ngả nước

Nhận-về Dã-hợp một phương trời.

Nửa hồ cổ cự-trăng lai láng,

Cạn chến rừng trông (?) gió lồng khơi

Chày kiếp Trường-an mau trở lại

Tuần người, viễn khách, người ơi!

Thầy tôi của vua chúa

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 7)

còn lại và Bồ-đà-tha thuộc Quảng-bình, vua Chăm-dang cho nước ta năm 1069) của nước Chăm-thành là bọn Đỗ-Linh, Đỗ-kha và Lan-đà Tinh đem bộ-thuộc hơn trăm người xin nội-phụ nước ta (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2, tờ 29a) Khâm-định Việt-sử, (q. 2, tờ 46x) lại chép vào tháng chạp năm 1039.

« Tháng ba năm Canh dần (1030) nước Chăm-thành sang cống voi trắng (Khâm-định Việt-sử, q. 3, tờ 14b). Lئن cống voi sau trận đánh Chăm năm 1044.

« Ngày bảy tháng ba năm Kỷ-tỵ (1029) vua Lý cả Bình-dương công chúa cho chức mục Lạng-châu (nay-Lạng-sơn) là Thân-thịệp Trái » (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2, tờ 19a). « Tháng ba năm Bình-ý (1036) vua Lý cả Kim thành công chúa cho chức mục Châu-Phong (nay-phủ Vĩnh-tượng và Lâm-thảo thuộc Sơn-tây) là Lê-tông-Thuận. Tháng tư năm ấy (1036) giả-Trưởng-Vĩnh công-chúa cho chức mục châu Thuộc-oai (ki-ông rõ ở đầu) là Hà-thiện-Lâm » (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2.

những nơi này đã đã ở tầm lòng ưu quốc, ái quốc, mà phải ra. (7)

TIẾP ĐAM

Viết theo tài liệu ở gia-phả họ Nguyễn, làng Chi-lặng, tập truyện ba vùng miền ở đây. Truy hiêu, có so sánh với Đại Nam chính biên tập truyện người những tài liệu của các bậc phụ lão ở Thừa-thiên. Tuy vậy, chúng tôi còn mong các bạn đọc lĩnh biết và góp ý để hệ thống lại cho, vắn tắt.

tờ 24b). Khâm-định Việt-sử (q. 2, tờ 32b 33a) có bài bản về việc ấy như sau này:

« Lúc bấy giờ không đặt chức tiết-trấn, nên quân và dân ở các châu đều đồng lĩnh ở chức Châu mục; các quan Thượng-du lại cho chức Phiên-Tù quản lĩnh, vua Lý lo là khó trị, cho nên kết danh nhân hiền đồ dâng buớc... từ bấy giờ thành ra cố sự » (ư như giai-sự).

« Tháng bảy năm Quý-dậu (1033) chức mục châu Vĩnh-an (nay là châu Tiên-an và Vạn-an thuộc Quảng-yên) là Sa-dung-Hỗn với rằng: Châu ấy có châu-ý (vùng nước có ngọc châu) Vua Lý sai sứ đi tìm quả nhiên được » (Khâm-định Việt-sử, q. 2, tờ 37a-b).

(Còn nữa),

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TO

BÁO MỚI

— QUỐC-GIA tuần báo ra ngày chủ nhật — Giám-độc Lê-văn-Thiền — Tòa báo 67 phố Nguyễn-trí-Hanoi.

— TỰ-TRỊ cơ quan truyền bá tư tưởng của cộng-hội-sinh-viên Việt-nam — mỗi số 0 \$ 60 tuần báo ra ngày thứ sáu.

TIẾP THUYẾT THỨ BẢY loại mới số 1 ra ngày 5-5-1945 — giá 0 \$ 83 — chủ nhiệm ở Vĩnh-Linh-Long — chủ bút Phùng-bảo Thạch — báo quán ở Thụy-Khê Đại-lý Hanoi — Mỗi tài mới, mỗi số 6 trang lớn.

— NGÀY NAY số 1 ra 5-5-1945 mỗi số 1 \$ 80 — Báo quan ở 80 Quan-Thôn Hanoi — Giám-độc: Nguyễn-tướng-Bach, Bia in 2 mặt — Tuần báo chính trị, xã hội và báo-chiến.

TRUNG-ĐẮC CHỦ-NHẬT, bản ra ngày 6-5-1945 — giá 1 \$ 50. Bia in tranh ảnh.

Xin giới thiệu các bạn đồng nghiệp, một số các bạn đọc các báo trên đây.



Dân Bách Việt

NGUYỄN XUÂN UÂN

LỊCH - SỬ

Cái đêm sâu tối tăm che kín lịch sử ban đầu của những dân-tộc đời xưa ở phía nam nước Tàu nay dần dần đã rạng rỡ. Vài tia ánh sáng bình minh, đã chiếu lên khoảng trời-gian đó. Ta thấy dân Tàu từ trung bộ châu Á lại, bỏ cái gậy chày nuôi dê cầm lấy cái cày, sỏi đất, định cư ở giữa khoảng sông Vi, sông Hoài, đón những dân ở đây trước lui quí về Nam. Những chủ đất ấy vì kém, không văn minh bằng họ, nên họ khinh bỉ, gọi là man, di.

Những giống «man di» ấy sinh trưởng ở khắp vùng đồi núi góc đông nam Á châu và đã ở ở mạn con sông Hoài là nơi phát tích, bản mạt tràn về Nam, tìm những nơi phì nhiêu để lập nghê ấp. Có hai ngành chính giống ruồi thì nhau lên: Rợ Tây - nam Man tức là dân Thái - thẳng đường qua Vân-nam, Dền-diên, đing, ở ở A-lao và Hô-m-la; dân Việt lần theo bờ biển sông, chiếm các vùng từ Bắc-kỳ lan đến lưu vực sông Lưu-long, khắp đất Nam kỳ và một phần Cao-miền ngày nay. Dân Việt đó tức là chúng ta.

Dân Việt cùng chung một giống với rợ ở mạn xưa ở đất Sở cho nên họ có một tiếng gọi chung là «man» nghe thấy tức là chúng ta.

dân ta ở tận hồ Đông đình, con cháu loại Tiên ở núi Quái Hồng ở bờ (1) Rợ Kinh - man đông hóa với dân Tần, ngành dân Việt ở phía đông gần đây ứng bị làn sóng xâm lược lay động đến. Cái khoảng đất dân Việt ở trước rất rất rộng, men ba bên bờ và ba lưu sông Triết, tự áp theo chuôi đồng bằng nhỏ dọc bờ hồ Đông khoảng đất ấy nay gồm địa phận Nam Trại - giang, Phúc - kiên, Lộ - g. Quảng, Trung châu, Bắc - kỳ và Bắc Trung-kỳ. Họ lan ra như một làn nước cứ tìm những chỗ chũng thấp bằng phẳng mà tiến, những nơi có thể gieo giọt chài lưới được. Cái thời trung lung đồng bằng ấy thường có những giải núi chắn ngang làm cách đoạn, lối giao thông đã bị lại hiều trở; bọn người tuy cùng một giống song sống giữa những ô ngăn cách ấy không được năng giao thiệp với nhau, quyền lợi cũng khác nhau, không gây liên lạc và thường coi nhau như cửa địch. Vì thế mà Sở, Việt, Ngô, cùng tranh chấp xâm đoạt lẫn nhau; vì thế mà có những nước Việt Đông-đầu, Mân Việt, Nam Việt, Tây Âu. Mỗi giải núi ngang là bức tường ngăn chặn nước, cho đến cái giải Hoành-sơn dưới đây cũng đã một phen chặn đối nước Việt - Nam ta ra trong một tổ kỷ ruồi.

ĐỊA THỂ

Nước Sở ở vào khoảng đất Lương Hồ, ngày nay tiếp giáp ngay với Trung nguyên, nên có tên ở trong lịch-sử trước nhất. Dân nước Sở nhân hấp thụ được văn minh của người Tàu, biết cải cách các chế độ trong nước, theo được kịp những nước hùng cường thời bấy giờ. Nước Sở được đất rộng người nhiều, nước Sở về đời vua Trưng vương, đã có phen xưng bá với các nước Xuân-thu. Chẳng những hoàng hành ở Trung nguyên dân Sở lại còn đi chiếm-câu những giải đất dọc theo sông Dương-tử ra đến bờ biển (2). Cỗ đất ấy sau đó ba trăm năm, thấy xuất hiện ra một nước cũng giàu mạnh, cũng quật cường, cũng xuất binh tranh giành ngôi bá chủ. Nước ấy là nước Việt.

Trước đây Việt, Ngô và Sở - dân cùng giống - tuy ở cạnh nhau song vẫn không có đễa, gh xich-mịch. Nhưng một ngày kia, vua Ngô là Hạp Lư dùng một người Sở là Ngũ Viên làm tướng Ngũ Viên có một mối thù to với Sở: vua Sở đã giết cha và anh Ngũ Viên. Viên giúp Hạp Lư sửa sang lại nước khiến dân được giàu, quân được mạnh, rồi xui vua Ngôlech binh không vương thanh thổ, đánh các nước nhỏ chung quanh - trong số

đó có cả nước Việt — bắt phải theo về mình. Nước Ngô đã cường-tbình, Ngũ Viên mới xin với Hạp Lư phát binh phá Sở, cướp bóc sát hại nhân dân rất là tàn khốc. Nước Việt nhân khi Ngô chiếm Sở, định đánh úp Ngô trong lúc họ không. Ngô phải vội vã rút binh về; Ngô Việt vì vậy sinh ra thù oán. Trong một trận đánh nhau, vua Việt là Câu Tiễn bắt chết được vua Ngô Hạp Lư. Con Hạp Lư là Phù Sai tấn lược đánh Việt, vây khốn Câu Tiễn, Câu Tiễn phải đầu hàng Ngô mạnh tha hồ vâng vãn ở Trung nguyên. (3)

Làm kẻ chiến bại nhục nhã, Câu Tiễn cũng hai người bày tôi trung thành là Văn Chung, Phạm Lãi ngầm ngầm việp rửa hận. Mười năm ròng rã, ngài kiên gan chờ nhân nhượng. Ngô, trong chầu lo luyện tập sĩ tốt nuôi dạy dân chúng, nước Việt được hưng thịnh hơn trước. Bấy giờ Câu Tiễn mới lại đánh trả Ngô, cướp lấy toàn cõi, giết Phù Sai và thay vua Ngô lập bá chủ các chư hầu cuối thời Xuân thu ấy.

Nước Ngô bị diệt, phương nam còn hai nước Việt và Sở cùng đương đầu. Mấy đời sau, vua Việt Võ Cương (thứ cũng hậu chiến như Câu Tiễn nay đem quân gây sự với Sở, mai lại đồng minh với Sở để đánh Sở. Sở không thể chịu được những chuyện khêu-khích ấy mãi. Năm Tân mui (1271 t 333),

Uy vương hưng binh xâm đất Sở. Võ Cương đại bại, bị giết. Kẻng đất nước Ngô xưa đến sông Việt đều bị quân Sở chiếm cả. Nước Việt bị diệt, dân Việt phải rút lui trước bước tiến của dân Sở (4). Con cháu Võ Cương phải bỏ miền Cống không phủ, lui mãi về vùng Phúc-khê, về vùng Lâm vực,

người xưng làm chúa, cai quản mấy tộc dân Đông Âu và Mân Việt ở giữa nơi rừng núi; họ cầu thần phục về Sở (5). Nước Việt bá chủ Trung-quốc trước nay chỉ còn tàn mạt phảng phất ở miền bờ bể đất Giang nam hoang đại mà thôi. Thế là đứng trước cái sức đè ép của dân Tần, anh em giống Việt ở quá về Bắc phần thì đồng hóa với họ như nước Sở nước Ngô trên, phần thì hôn-lâm về Nam, chung đụng với người cùng giống đã lập nghiệp ở đây trước lâu rồi. Nhưng rồi người Tàu cũng đủ thì giờ để họ tập đến quanh miền Ngũ-linh Nam Việt làm-lơ-chợt đồng hóa hết cho kỳ được.

Song đến đây thì họ đành khoan tay chịu đất, đã đành chịu khổ mấy nghìn năm xếp đặt cái cách; họ gặp phải chi dân Việt cuối cùng, dân Tây-Âu, một tộc dân có sẵn cái năng lực kiên cường, cổ-đế đã ăn sâu vào mảnh đất bùn lầy ở trung-châu Bắc kỳ này rồi. Ngay bởi vậy, nước xung-uột, người Đông Âu Mân Việt và Nam Việt, chi họ thua quân Tàu ngay; riêng chỉ có dân Tây-Âu là có sức chống cự đến cùng. Về sau, tộc dân ấy tuy bị nội thuồng trong mười thế kỷ nhưng vẫn còn đủ sức rút dưng rồi sợ giầy của dân Tàu trời-buộc dễ được tự do vùng vẫy ở bên - đảo Đông - dương này cho đến tận ngày nay. Dân dân Việt ấy là tổ tiên ta.

(Còn nữa)

Nguyễn Xuân-Uẩn

(1) *Aurousseau* — *Orlaine* et *nomple* annamite. BRFEO 1923. Xem sự lịch Mũi Tằm đời Lạc vương, chương 9.

(2) Sử — Tư Mã Thiên....

(3) *Idem*

Những ông Nghè...

(Tiếp theo trang 13)

23. — Nguyễn - hữu-Phỉ, người xã Hồng-lục, huyện Gia-lộc, phủ Hà-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ tam giáp đồng tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến chức đề liêu giám sát ngự sử (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 20 a; Đặng khoa bị khảo q. Hải dương tờ 39 a).

24. — Đào Triệt, người xã Thụ-triều, huyện Thuận-lan, phủ Tiên-hung, trấn Sơn-nam. Đỗ tam giáp tiến sĩ, khoa 1523. Làm quan đến chức giám sát ngự sử (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 20 a; Đặng khoa bị khảo, q. Sơn nam, tờ 95 a).

25. — Phạm - doãn - Trấp, người xã Đồ-g-lân, huyện Trường-tân (tức là phủ, sát đổi Gia-lộc), phủ Hà-bồng, trấn Hải-thương. Đỗ tam giáp tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến giám sát ngự sử (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 20 a; Đặng khoa bị khảo, q. Hải dương, tờ 39 a).

(Còn nữa)

Ứng hoè NGUYEN-VĂN-TỔ

Cuộc thi Văn chương:
Bình Dân Văn Niễn
Thư - Viện

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 1945. Cuộc thi Văn chương B.D.T.V. T.V. đáng lẽ đến ngày 30.4.45 là hết, song vì có nhiều bạn ở xa lâu chưa ga-thăm hạn đề các bạn có đủ thời giờ viết nên lại hoãn lại 3 tháng nữa, nghĩa là đến 30.7.45.

Nguyễn Văn T. V. lại đến

TIÊU-THUYẾT LỊCH-SỬ

Ar. Eu.

* Khiến nhân lũng An-Tư công chúa

ra thoát-hoan, đực thư quốc nan

Đại Việt sử-ký tậ

Kính tâng hương bầy mâm

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

\$6 30

Việc khôi phục Thăng long phải giao cho một người khác, lại cần phải người có tài cầm quân. Tôn Chiêu văn vương mới được. Việc này phải gọi Chiêu minh vương về. Phi Chiêu minh vương không ai làm nổi.

Vừa nói dứt lời thì quân bảo
Thượng tướng Chiêu-minh, vương
Trần Quang Khải ở Nghệ-an về, sắp
lời hành cung. Vua Tô-êu-hảo cùng
Thượng hoàng và Hưng Đạo vương
dẫn các quan và tướng sĩ ra đón.
Quang Khải ở xa tể ngựa chạy lại,
nhảy xuống, phủ phục trước ngựa
Thượng hoàng và vua, miệng hô
vạn tuế.

Thượng thư và mọi người
cùng xuống ngựa. Thượng hoàng
cầm tay ông và nói:

— Một đại nghệ an, nhà hoàng
thác là hiệu được vậy, nghĩ hoàng
thực được là gần lão vậy vả. V.T

— Lão thầy cô công vấn gì dân.

Ây là một tướng sĩ cả. 1991 1992
Nói xong gọi Phạm Ngũ Lão lại.

Ngũ Lão cá Vảy bên xệ đường,
Đã truyền cho Chín đời Vương.

chỉ qua Lão và cháu;

— Bạch trạng nguyên lo mưu
trông trường. Phạm vương quân
đây tử chấn (sát). Tọa Đô không có
hai người ấy và các tướng sĩ thì
cơ hồ không giữ được Ngự đạo và
cũng không làm được nghĩa rồi.

Vua Huyền cho mọi người lần
ngủ, rồi đi công việc khác, lại
quay lại bảo Ngũ Lão ?

— Một trận đấu Toa Đô làm
cho quân Hồng cỏ khiếp đảm người
Chêm thành, hân hoan, người thực
là thần tượng.

Lão ấp úng không nói nên lời.
Vua lại đòi xem mặt Bạch Liên.
Quang Khải nói:

—Trang nguyên nói mọi việc
đã có Quốc công lo liệu, thắng trận
còn ở ngày, còn ra công ở
đầu làng, vì thế xin ở lại Nghệ
chăm bón mấy gốc lúa.

Vua đời:
HAIU-THI-KH. RGYU PH
- Đồ dẫn trang 2 -

quần, coi đồng dân với quê hương
mây nổi, người ấy thơ.

Thượng hoàng lại
Chiêu văn vương ở Anh Toa Đô ở

105-447
FBI-791

Hàm tử quan cho Chiêu minh vương
nghe và nghĩ ý muốn cải quản ra
khỏi phủ Thăng-long.

Quang Khải nói:

— Nay em tư đã lập đại công,
lão tể ở Nghệ-an công tội nhiều,
ngươi xin đưa ra k'ắc phục. Thăng-
long đem chiếu tội. Gai xin đem
trống sĩ ở Nghệ-an cùng cả Lão-
thần đã quan đánh trận với tướng
sĩ cũ và phất lá cờ. Phạm tướng
quan đây.

Vua đã giáng. Một tướng cũng
bước ra tấn:

Tên tướng xin tâu Thượng
tướng đi đánh Thoát Hoan.

Năm nay thì là Hoài văn hầu,
 Ông văn trong nói:

Đang chờ chỉnh đốn lại
tên sách Thuật Hoan.

Sau khi Hứa Đạo vương cũng
 triệu nhủ vương bản luận về việc
 không phải Tuân. Ông Ngay hôm
 đó, Quang Khôi cưỡi cưỡi vạn
 quân, thẳng đường bề ra, bắt

1884-1885

Trong đèn Mai miền, đèn
nền sáng trưng, ánh hào cử ra

ngôi sân rộng. Nhà ở mặt
áo màu, tay chèo, vũ nữ ứng

mặc áo mưa, tay thưng. / Th
nữ, bàn toán trang, đi đi lại

lại tay cầm bình vào rót
rượu hầu quan khách.

dải lụa của vũ lữ đờ.

bây pháp phơi trong nắng
tay nỏ họ, t. c. rên mỗ
kh. lữ. nh. lữ. lữ. lữ.

Đoàn binh yêu cầu N.

những tòa nhà
lên lào rợ

... ..

Handwritten text at bottom: ...

Việt-nam văn-học.

(Tiếp theo trang 5)

Cũng trang 71, ông Hàm viết mấy câu: « Sau khi nhà Lê trung hưng, thì việc học cũng phỏng theo đời Tiền Lê. Ở Quốc-tử giám thì đặt quan lễ-tửu và quan tư nghiệp để làm giảng-quan, mỗi tháng một lần đều-lập ba tháng một lần đại tập... » Đoạn ấy cũng không rõ. Dưới chữ « trung-hưng » nên chép năm nào, vì nhà Lê có hai lần trung-hưng: Năm 1460 Lê Thánh tông lấy lại của Nghi-dân, sử cũng gọi là trung-hưng. Năm 1527 Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, đến năm 1533 Nguyễn Kim tôn vua Trang-tông ở Ai-lao, cũng là trung-hưng. Còn chức quan ở Quốc-tử giám, thì *Lịch-triều* hiển chương, quan-chức chỉ bản sao của trường Đại-cử số A 50, q. 13, tr. 64 - 65) chép rằng: « Đại Lý (1076) đã đặt Quốc-tử giám; nhưng tên quan-chức chưa rõ. Đến đời Trần Minh-tông (1314-1328) mới với Chu an làm chức tư-nghiệp ở Quốc-tử giám.

Đầu đời Lê (1428) lại đặt chức lễ-tửu, chức tư-nghiệp học-sĩ, chức giáo-thư... Đời Hồng đức định quan-chức tư phẩm trật tòng-tư theo quan-chức năm thứ hai niên Hồng-đức. 1471, lại chức lễ-tửu phẩm

chánh-tử, chức tư-nghiệp phẩm chánh-ngũ) lại đặt thêm chức ngũ kinh bác-sĩ, thuộc vào Quốc-tử giám. Từ trung-hưng (1533) trở về sau, bỏ chức ngũ kinh bác-sĩ, còn các chức khác đều theo cũ.

Đến đoạn nói về triều Nguyễn, ông Hàm chép rằng: « Năm 1803, vua Gia-long dựng nhà Quốc-học ở kinh đô (Huế). Ngai lại đặt chức đốc-học ở các trấn, giáo-thư, huấn-đạo ở các phủ, huyện để coi việc dạy học. Năm 1821, vua Minh-mệnh đổi tên nhà Quốc-học gọi là quốc-tử-giám » (trang 71). Chép như thế không đúng, *Đại-nam thực-lục chính-biến đệ nhất kỷ* (q. 22, tr. 1 a-b) nói rằng: « Tháng bảy năm quý hợi (1803) dựng nhà Quốc-tử giám, cho Phan-dương đốc học, Nguyễn-văn-Dương, Trương-chí-Lý làm phó. Ông đốc học như thế mà ông Hàm chép là « Năm 1821, vua Minh-mệnh đổi tên nhà Quốc-học gọi là Quốc-tử giám » thì có lẽ nhầm.

Năm 1821, *Đại-nam thực-lục chính-biến, đệ nhị kỷ* (q. 7, tr. 20 b) chép rằng: « Dựng Quốc-tử giám, ở giữa là giảng đường, phía trước là đại-quán

đường, hai bên tả hữu là những nhà cho môn-sinh giám-sinh ở ».

Nên thêm một đoạn như sau này: « Tháng ba năm Minh-mệnh thứ hai (1821), đặt chức lễ-tửu và tư-nghiệp ở Quốc-tử giám, lễ-tửu trật Đại-nam ty-nghiệp trật tòng-tư, thực-lục chính-biến, đệ nhị kỷ, q. 8, tr. 9b).

Đến đoạn kể luận (trang 72) ông Hàm nói rằng: « Việc học ở đây gần như nay gọi là học ở trường » thì triều đình không tổ-cứ để các tư gia đón thầy dạy lấy con cháu. Cáp 37 cũng sai, không kể từ đời Lê về trước thì nhiều lắm; kể ngay trong đời Gia-long (1802-1819) có chép rằng: « Sai các trấn đều chọn những người văn học trong tổng từ bốn năm tuổi trở lên đã làm tổng giáo, để dạy những học trò sơ học » (*Trung học Việt-sử lược-giếu*, tập đông, tr. 14 a và *Đại-việt sử ký cái lương*, q. 4, tr. 27a).

Việc học chữ hán của ta từ ngày chưa có sử lại không nói làm gì, kể từ ngày có sử (1272) đến nay, chép đã hơn bốn nghìn năm là vậy. Ông Hàm nên lấy sử ra xem lại, và sưu-tập thêm, cho khỏi thiếu sót. (còn nữa)

TRI-TÂN SE XUẤT BẢN

DONG ANH

Do một yếu-nhân
Đ.K.N.T. đã tựa

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA

Thủ-nhiệm kiêm chủ-lý: Nguyễn Văn...